

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ T4U STAR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ T4U STAR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T4U STAR INV CORP

Tên công ty viết tắt: T4U STAR INVESTMENT CORPORATION

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109173603

**3. Ngày thành lập:** 06/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 17, LK 13, Dọc Bún 1, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá.                                                                                | 4511     |
| 2.  | Bán mô tô, xe máy<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá.                                                                                                  | 4541     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>Loại trừ: Hoạt động của sở giao dịch hàng hóa. | 4610     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm và hoạt động đấu giá.                                                       | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm.                                      | 4651     |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm.                                       | 4652     |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp<br>Loại trừ: Hoạt động đấu giá và hoạt động Nhà nước cấm.                                                                        | 4690     |
| 8.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm.        | 4741     |
| 9.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm.                                                     | 4742     |
| 10. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                               | 4752     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh. | 4759        |
| 12. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4761        |
| 13. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thuốc<br>- Bán lẻ trang thiết bị y tế<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                  | 4772        |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa và kinh doanh đa cấp.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4791        |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6209        |
| 17. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6820(Chính) |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>( không bao gồm hoạt động tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 19. | Quảng cáo<br>Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310        |
| 20. | Cho thuê xe có động cơ<br>Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7710        |
| 21. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp<br>Loại trừ: Hoạt động Nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8110        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRỊNH BÁ TỐI | Thôn Hà Thành, Xã Yên Trung, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 8.000      | 80.000.000            | 5,000     | 038092001057                                                                                |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số                   | 8.000      | 80.000.000            | 5,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ CÔNG BẮC  | Số 116, Tổ 17, Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 144.000    | 1.440.000.000         | 90,000    | C6272369                                                                                    |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số                   | 144.000    | 1.440.000.000         | 90,000    |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                        |                           |       |            |       |           |
|---|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|-------|-----------|
| 3 | NGUYỄN ĐÌNH MẠNH | Số 26, tổ Hợp Thành, Phường Thắng Lợi, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 8.000 | 80.000.000 | 5,000 | 090847237 |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                  |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                  |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |           |
|   |                  |                                                                                        | Tổng số                   | 8.000 | 80.000.000 | 5,000 |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ CÔNG BẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/11/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C6272369

Ngày cấp: 24/10/2018

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 116, Tổ 17, Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Chung cư CT5B Khu đô thị Mễ Trì Thượng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội